

Hội chứng ràng buộc ngân sách mềm và khủng hoảng tài chính toàn cầu

Kornai János

Nguyễn Quang A dịch



Creative



Effective

Practical



Rigorous

Hội chứng ràng buộc ngân sách mềm và khủng hoảng tài chính toàn cầu

Vài cảnh báo từ một nhà kinh tế học Đông Âu

Kornai János

Nguyễn Quang A¹ dịch

Một lo ngại lớn được bày tỏ hơn một lần trong những bàn luận về khủng hoảng tài chính hiện thời là: những can thiệp của nhà nước đã lén đưa một chút chủ nghĩa xã hội vào nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Đây là khía cạnh của cuộc tranh luận mà tôi muốn đóng góp với tư cách một nhà kinh tế học nghiên cứu người đã dành nhiều thập niên khảo sát hệ thống xã hội chủ nghĩa từ bên trong. Đối tượng của tôi ở đây không phải là khu vực hậu-xã hội chủ nghĩa, mà là phần còn lại của thế giới – tuy tôi nhìn lên nó với con mắt của một người đã đích thân trải nghiệm chủ nghĩa xã hội một cách trực tiếp.

Lùi về 1968, khi tại Hungary quê hương tôi bắt đầu các nỗ lực thực hiện “chủ nghĩa xã hội thị trường” trong hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo của các doanh nghiệp nhà nước được thúc giục tăng lợi nhuận của họ. Các giám đốc đã khâm khá nếu doanh nghiệp của họ làm ra tiền, bởi vì họ sẽ nhận được một phần lợi nhuận. Nhưng đã có ít lí do để lo ngại nếu doanh nghiệp bị lỗ và lâm vào nợ nần: hầu như trong mọi trường hợp như vậy đã luôn có một hành động giải cứu kiểu nào đó. Thí dụ, đã có thể có sự cứu trợ từ ngân sách nhà nước, hay ngân hàng quốc doanh đã có thể cho vay thêm mà chẳng có mấy hy vọng là khoản vay sẽ được hoàn trả. Bị lỗ và nợ nần, tất nhiên, là khó chịu, nhưng không phải là chuyện sống còn đối với một doanh nghiệp. Dựa vào kinh nghiệm của mình về các hoạt động giải cứu lặp đi lặp lại, các giám đốc ít nhiều có thể trông đợi vào sự sống sót của doanh nghiệp mình. Bất chấp tất cả áp lực lên động cơ lợi nhuận, khuyến khích vẫn khá yếu trong thực tế. Vì sao phải lo lắng quá nhiều về cắt giảm chi phí hay đổi mới nếu không có đe dọa về vỡ nợ? Tình trạng tài chính của doanh nghiệp đã không đặt một ràng buộc thực sự lên việc chi tiêu, vay mượn

¹ Email: nguyenquang@gmail.com

hay bành trướng của nó. Đây là trạng thái mà thời đó tôi gọi là “ràng buộc ngân sách mềm - soft budget constraint” (SBC).

Thế nhưng tính mềm của ràng buộc ngân sách không thể nói là áp dụng trong một trường hợp *ca biệt* khi một doanh nghiệp gặp rắc rối tài chính nghiêm trọng được giải cứu. Hội chứng xuất hiện nếu các vụ giải cứu như vậy xuất hiện thường xuyên, nếu các giám đốc có thể bắt đầu *tính đến* việc được giải cứu. Chúng ta đối mặt ở đây với một hiện tượng tâm thần, một kỳ vọng trong đầu óc những người ra quyết định mà kỳ vọng đó ảnh hưởng mạnh đến ứng xử của họ.

Để đơn giản hóa vấn đề, một sự tương phản thường được đưa ra giữa ràng buộc ngân sách mềm và cứng. Thực ra, có các cấp độ giữa hai thái cực này. Ràng buộc ngân sách mà các lãnh đạo doanh nghiệp cảm thấy có thể rất mềm, mềm vừa phải, khá cứng và vân vân, tùy thuộc vào nhận thức chủ quan của họ về xác suất giải cứu.

Bao gồm trong hội chứng SBC là một hiện tượng được biết đến trong lý thuyết bảo hiểm như *rủi ro đạo đức – moral hazard*, nhưng khái niệm đầu (SBC) là đầy đủ và phong phú hơn về nội dung, mô tả một quá trình xã hội và một cơ chế kinh tế phức tạp. Nó không đơn giản chỉ liên quan đến khảo sát các nhà quyết định đơn lẻ, tách biệt, làm ít hơn mức họ có thể làm để tránh thiệt hại bởi vì họ có thể tính đến sự đền bù từ các nhà bảo hiểm của họ. Công cụ phân tích SBC đòi hỏi sự khảo sát sâu hơn, toàn diện hơn về động cơ, ứng xử và các tác động lẫn nhau giữa vô số doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước, các định chế tài chính và các chính trị gia: toàn bộ sự phân vai của vở diễn. Hội chứng SBC nuôi dưỡng sự vô trách nhiệm và coi khinh rủi ro, mở đường cho sự quá khát đầu tư và khát vọng bành trướng của các giám đốc. Điều này, đến lượt nó, làm cho các rắc rối tài chính trở nên thường xuyên hơn và cầu giải cứu gay gắt hơn, nói cách khác, làm mềm ràng buộc ngân sách. Hội chứng SBC trở thành một quá trình tự-gây ra, tự-tăng cường.

Khi tôi giải quyết đề tài này lúc ban đầu, tôi đã đối sánh ràng buộc ngân sách mềm điển hình của các doanh nghiệp xã hội chủ nghĩa với ràng buộc ngân sách cứng của các hãng tư bản chủ nghĩa cổ điển. Những người ra quyết định trong các hãng tư bản có thể cảm thấy họ phải tự chịu trách nhiệm một mình. Đối mặt với lỗ kinh niên và nợ nần chồng chất, họ không thể kỳ vọng sự trợ giúp nào, và câu chuyện sẽ kết thúc với việc hãng ra đi. Nhưng ngay trong các lý giải ban đầu của mình tôi đã cảnh báo: hội chứng SBC, cho dù nó ngấm sâu và rộng hơn vào cơ cấu của một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, cũng có thể xuất hiện trong một nền kinh tế thị trường dựa trên quyền sở hữu tư nhân.

Kể từ khi đó, lý thuyết SBC đã được nhiều nhà quan sát áp dụng cho nhiều tình huống kinh tế đa dạng khác. Đã được chỉ ra rằng cần phải xem xét ra ngoài các giới hạn của hệ thống xã hội chủ nghĩa nữa.

Hãy quay lại buổi bình minh của chủ nghĩa tư bản một chút. Một con nợ không có khả năng trả nợ bị nhà tù của các chủ nợ đe dọa. Thất bại kinh doanh trong giai đoạn ban đầu của chủ nghĩa tư bản là nhiều hơn một tai họa vật chất, vì nó hủy hoại uy tín đạo đức của kẻ vỡ nợ. Trong những ngày đó ràng buộc ngân sách vẫn còn tuyệt đối cứng. Kết quả nguy hiểm của sự thua lỗ và nợ nần buộc các nghiệp chủ phải cực kỳ thận trọng.

Nhưng sự phát triển lịch sử của các quan hệ tài sản và hệ thống tín dụng đã từ từ đưa đến những thay đổi căn bản. Nguyên tắc trách nhiệm hữu hạn được hợp pháp hóa, và các công ty cổ phần dựa trên nguyên tắc mới đó đã xuất hiện. Đồng thời, mối quan hệ chặt chẽ cho đến lúc đó giữa vị thế vật chất và đạo đức của những người ra quyết định và tình hình tài chính của các công ty của họ đã trở nên yếu hơn.

Do quyền sở hữu và quản lý được tách ra, nên quan hệ giữa số phận, thu nhập và danh tiếng của những người quản lý đưa ra các quyết định kinh doanh thực tiễn và số phận tài chính của các công ty của họ cũng bị yếu đi. Luật ban hành kế tiếp về thất bại kinh doanh đã đưa ra sự bảo vệ nào đó cho các hãng bị nợ nần chông chát. Những thay đổi này và các thay đổi khác không được nhắc tới ở đây đã góp phần vào sự mềm hóa đều đặn của ràng buộc ngân sách. Tất nhiên, nó đã chẳng bao giờ trở nên mềm như trong một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhưng có thể nhận rõ xu hướng mềm hóa suốt hàng thế kỷ. Chủ nghĩa tư bản sơ khai đã thưởng sự thành công một cách hậu hỹ và trừng phạt sự thất bại một cách dữ tợn. Với thời gian trôi đi, các phần thưởng không những vẫn còn, mà ở nhiều nước còn tăng lên đầy kịch tính, trong khi những trừng phạt trở nên nhẹ hơn. Sự thay đổi không cân xứng đó đã làm yếu khuyến khích đối với doanh nghiệp để theo đuổi hiệu quả và tính thích nghi để thay đổi. Nó khích lệ các quyết định vô trách nhiệm về vay mượn, đầu tư và bành trướng.

Đáng ghi nhớ cách nhìn lịch sử này khi phân tích khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện thời. Sự lan truyền của hội chứng SBC cùng lúc là một nguyên nhân và một kết quả của cuộc khủng hoảng. Tôi không muốn nói rằng nó là nguyên nhân duy nhất: một phức hệ các nhân tố đã gây ra tình thế dẫn tới khủng hoảng. Nhưng tôi muốn nói một cách dứt khoát rằng sự mềm hóa ràng buộc ngân sách là một trong những nguyên nhân *chính* của cuộc khủng hoảng này. Xu thế mềm hóa đã được tăng cường ở Hoa Kỳ và nhiều nước khác bởi các vụ cứu trợ liên tiếp suốt mười hay hai mươi năm qua. Một số kinh tế gia, như Giáo sư Chenggang Xu, từ

nhều năm đã chỉ ra mối liên kết mật thiết giữa khủng hoảng Đông Á và các vụ cứu trợ trước đó. Nhưng các cảnh báo là lẻ tẻ và hầu như chẳng ai để ý đến.

Như một lời nhắc nhở, đây là bảng thời gian của chỉ một số vụ cứu trợ mới đây.

Thí dụ về các vụ cứu trợ lớn của nhà nước ở các nước phát triển, 1980 - 2008

Năm	Nước	Khu vực tài chính	Khu vực phi tài chính
1980	Hoa Kỳ	First Pennsylvania Bank Mutual savings banks	Chrysler
1981	Hà Lan	Các ngân hàng thế chấp: WUH, FGH	
1982	Italy	Banco Ambrosiano	
1983	Hoa Kỳ	Vỡ nợ ngân hàng trong khủng hoảng nợ	
1984	Hoa Kỳ	Continental Illinois National Bank & Trust company	Công nghiệp gỗ
1989	Hoa Kỳ	Khủng hoảng các quỹ Tiết kiệm-Cho vay	
1992	Thụy Điển	Khủng hoảng ngân hàng Thụy Điển	
1993	Pháp	Credit Lyonnais	
	Nhật Bản	Khủng hoảng ngân hàng Nhật	
1994	Mexico	Khủng hoảng Mexico	
1995	Anh/Pháp		Eurotunnel
1996	Pháp	Credit Foncier, CIC, GAN	
	Italy	Banco Napoli	
1997	Đông Á	Khủng hoảng Đông Á	
1998	Nga	Khủng hoảng Nga	
	Hoa Kỳ	Long-Term Capital Management	
1999	Áo	Bank Burgenland	
	Brazil	Khủng hoảng Brazil	
2000	Thái Lan	Krung Thai Bank	
2001	Argentina	Khủng hoảng Argentina	
	Đức		Philipp Holzmann AG (x.dụng)
	Hoa Kỳ		Ngành hàng không
	Thổ Nhĩ Kỳ	Khủng hoảng Thổ Nhĩ Kỳ	
2002	Italy		Fiat (Iveco)
	Anh		Railtrack
2003	Pháp		Alstom (engineering)
2004	Pháp		France Bull (IT)
	Đức	Bankgesellschaft Berlin	
2005	Pháp		Imprimerie Nationale (in)
2006	Áo	BAWAG	
2007	Đức	IKB bank, Sachsen LB	
	Anh	Northern Rock	
2008	Bỉ	Fortis, Dexia, KBC	
	Pháp	Dexia, Credit Agricole, Societe Generale, BNP Paribas	
	Đức	West LB, IKB, Bayerische LB, Commerzbank, Hypo Real Estate	
	Ireland	Bank of Ireland, Allied Irish	
	Luxembourg	Fortis, Dexia	
	Hà Lan	Fortis, ING	
	Thụy Sĩ	USB	
	Anh	Lloyds TSB, HBSO, RBS	
	Hoa Kỳ	AIG, Bank of America, Bear Stearns, Citigroup, Goldman Sachs, Wells Fargo và 25 định chế khác đã nhận hỗ trợ trên 1 tỷ USD mỗi tổ chức	Chrysler, General Motors

Cái tôi đưa ra cho đến đây không phải là một danh mục các khuyến nghị (tôi sẽ quay lại những cái đó) – nó là một tiên đoán, không phải là một đơn thuốc. Không có khẳng định chính xác về quy mô và tần suất của các hoạt động giải cứu trong tương lai sẽ thế nào, nhưng phong trào cứu trợ khắp thế giới chắc chắn sẽ rộng hơn và lớn hơn bất cứ vụ cứu trợ nào đã xảy ra trước đây. Vì thế dẫu muốn hay không, thiên hướng mềm hóa ràng buộc ngân sách sẽ tiếp tục, quả thực mạnh lên. Các kỳ vọng về được giải cứu của các lãnh đạo doanh nghiệp cũng sẽ tăng lên và trở nên chắc chắn hơn nếu họ lâm vào rắc rối. Tương tự, lãnh đạo của các chính quyền địa phương cũng cảm thấy ràng buộc ngân sách của họ mềm đi. Các ngân hàng và các định chế tài chính khác có thể cảm thấy đặc biệt chắc chắn rằng sự sống sót của chúng sẽ được bảo lãnh. Nhưng cũng sẽ có triển vọng cứu trợ tốt cho các công ty phi tài chính bị lỗ hay không có khả năng trả nợ nếu các công ty này giữ vị thế then chốt trong nền kinh tế và/hoặc có quan hệ tốt với các chính trị gia đưa ra các quyết định cứu trợ. Việc cứu trợ các ngân hàng trong hầu hết trường hợp cũng hàm ý gián tiếp cứu trợ các hãng không có khả năng trả nợ của mình.

Trước khi chuyển từ tiên đoán sang các vấn đề thực tiễn về chính sách kinh tế, hãy để tôi quay lại câu hỏi được nêu ra ở phần dẫn nhập một chút. Phải chăng phần thế giới chưa từng sống dưới hệ thống xã hội chủ nghĩa thực sự dịch chuyển về phía chủ nghĩa xã hội? Câu trả lời không thể đơn giản là có hay không.

Chủ nghĩa tư bản đã phát triển dần dần từ môi trường xã hội tiền-tư bản, bằng một quá trình tăng trưởng hữu cơ. Khi phương thức tư bản chủ nghĩa trở nên chi phối nền kinh tế, thì ảnh hưởng của kinh doanh lên chính trị tăng lên. Chủ nghĩa xã hội, tuy vậy, đã không thấm từ từ vào kết cấu xã hội ở nước Nga Sa hoàng hay ở Trung Quốc sau Thế chiến Thứ hai. Dưới các điều kiện lịch sử cụ thể Đảng cộng sản đã có khả năng cướp lấy quyền lực chính trị, kiểm soát bộ máy nhà nước, và sau đó *áp đặt* hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa bằng vũ lực nhà nước lên xã hội. Mọi công cụ đã được dùng, kể cả sự đàn áp tàn nhẫn. Quá trình phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa, không giống của chủ nghĩa tư bản, đã bắt đầu trong lĩnh vực chính trị, chứ không phải trong lĩnh vực kinh tế.

Dù có nhiều vụ cứu trợ đến đâu, dù ràng buộc ngân sách có mềm đến thế nào, không có nguy cơ về chủ nghĩa xã hội quay lại *theo nghĩa đó* – đây là điểm quan trọng nhất. Vô nghĩa đi dựng lên bóng ma đó ở Hoa Kỳ, Tây Âu hay ở các nước phát triển khác, nơi nền dân chủ

đã bén rễ sâu. Có thể có thời gian khi sự bất mãn chung mạnh hơn và phổ biến hơn so với các thời kỳ khác yên ổn hơn và thịnh vượng hơn.

Nhưng chỉ các nhà cách mạng không thể sửa được nếu tự lừa dối mình mới tin rằng sự bất mãn như vậy có thể lật đổ nền tảng của hệ thống. Sự tiên đoán đó chứng tỏ sự không hiểu lịch sử của hệ thống cộng sản.

Tuy nhiên, nguy cơ cách mạng đe dọa hơn ở các nước nơi không có dân chủ hay nền dân chủ chưa bén rễ sâu. Điều đó đúng đặc biệt ở nơi người dân chưa bao giờ biết sống dưới hệ thống xã hội chủ nghĩa giống cái gì, và các chính trị gia và trí thức có ảnh hưởng lại có các ý tưởng ngây thơ về chủ nghĩa xã hội. Tại đó sự bất mãn của quần chúng có thể dẫn đến bùng nổ và thậm chí một sự chiếm quyền xã hội chủ nghĩa. Đó là là một khả năng, có lẽ ở nước Mỹ Latin nào đó, có lẽ ở nơi khác. Và ở nơi nguy cơ đó thực sự đe dọa, các nhà hoạch định chính sách kinh tế và kinh doanh sẽ làm tốt khi cố gắng làm dịu bớt sự bất mãn, ngay cả với cái giá của tính hiệu quả nào đó và thành công kinh tế tương lai. Các khu vực bị đe dọa này không phải là các khu vực nên thử làm cứng ràng buộc ngân sách.

Hãy quay lại khu vực các nước phát triển, dân chủ. Họ không cần phải sợ việc đưa *hệ thống xã hội chủ nghĩa* vào – tôi thấy sự lật đổ hung bạo cơ cấu chính trị hiện hành là hoàn toàn không có khả năng. Nhưng tôi lại thấy có khả năng cho các hiện tượng, đã là các thuộc tính chính của hệ thống xã hội chủ nghĩa, xuất hiện và củng cố dưới hệ thống tư bản chủ nghĩa. *Chỉ theo nghĩa đó*, một sự mềm hóa ràng buộc ngân sách cho đến nay được coi như điển hình của chủ nghĩa xã hội hay của chuyển đổi từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản, mới đã và sẽ có thể có khả năng xuất hiện và củng cố ở đó trong một nền kinh tế thị trường dựa trên sở hữu tư nhân.

Không thể rút ra từ phân tích thực chứng và tiên đoán cho đến đây bất cứ khẳng định đơn giản, chuẩn tắc nào thuộc loại sau đây: chấm dứt cứu trợ và cứng hóa ràng buộc ngân sách với bất cứ giá nào. Larry Summers, trong một bài báo, đã đứng lên chống lại “những người theo thuyết chính thống [về] rủi ro đạo đức” (“moral hazard fundamentalists”), và tôi đồng ý với ông. Ý định của tôi ở đây không phải là để rao giảng một bài thuyết giáo chính thống. Tôi tách mình xa ra khỏi những người đi khuyên dưới các điều kiện này rằng tất cả các ngân hàng, các công ty và định chế tài chính không có khả năng vượt khủng hoảng phải để cho phá sản. Tôi cũng kiềm chế ở đây khỏi tuyên bố định chế hay công ty tài chính nào nên được cứu trợ và dưới các điều kiện nào, tôi chỉ giới hạn mình ở vài lưu ý và quan sát.

Tôi có cảm giác rằng các cuộc luận chiến công khai đang bị sa lầy trong một cuộc tranh luận về các phương thuốc tức thì cho một vấn đề trước mắt. Tôi cho điều này là không thể tránh khỏi và phải là tâm điểm của sự chú ý, nhưng có thể hữu ích chỉ ít để suy ngẫm về so sánh chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản và suy nghĩ ở tầm lịch sử hàng thế kỷ.

Tôi không phải là nhà ra quyết định chính trị. Nhiệm vụ của tôi, với tư cách một nhà nghiên cứu và phân tích, giống như nhiệm vụ của một nhà tư vấn y học. Có một chẩn đoán phải đưa ra và các cách chữa trị khả dĩ để thăm dò. Hội chứng SBC có thể được so sánh với một căn bệnh mà không có phương thuốc chữa trị hoàn toàn. Phải nói cho bệnh nhân biết. Nhưng có thể cùng sống với căn bệnh và làm nhẹ bớt các hệ quả của nó. Có thể xem xét nhiều cách điều trị. Trong các trường hợp như vậy bác sỹ có nghĩa vụ báo cáo một cách khách quan về các tác dụng của từng cách chữa trị khả dĩ, nói chi tiết về các tác dụng và các tác động phụ của nó. Các nhà kinh tế học những người cho lời giải thích một chiều về các hoạt động cứu trợ và các phương thức can thiệp kinh tế của nhà nước, lại lảng tránh nghĩa vụ đó.

Có một số quan điểm kinh tế phổ biến lại nuôi dưỡng các ảo tưởng. Điều đó giống một bác sỹ hứa sự hồi phục hoàn toàn cho một bệnh nhân không có cơ hội hồi phục. Các kỳ vọng thần diệu như vậy bắt đầu gắn mình với điều tiết (quy chế). Không đúng rằng toàn bộ vấn đề nảy sinh bởi vì điều tiết (quy chế) được nói lỏng, tuy đó là một nhân tố đáng kể. Điều tiết (quy chế) chặt hơn sẽ không chặn được sự mềm hóa ràng buộc ngân sách dẫn đến khao khát tín dụng quá đáng, sự liêu lĩnh vô trách nhiệm và sự hấp tấp bành trướng. Kinh nghiệm dưới chủ nghĩa xã hội, đặc biệt dưới giai đoạn muộn hơn, tinh vi hơn của nó, đã chỉ ra rằng ngay cả *quy chế (regulation)* tốt nhất cũng không thể bù cho *khuyến khích (incentive)* tích cực hay tiêu cực, thưởng hay phạt thích hợp. Những người đã sống trong nền kinh tế chỉ huy xã hội chủ nghĩa biết rằng có thể lách, né tránh ngay cả quy chế mảnh khỏe tinh vi nhất. Mọi mưu mẹo điều tiết mau chóng đều bị lách. Hungary có thể xuất khẩu rất nhiều người có tài năng lách, né tránh các quy tắc. Rõ ràng có nhu cầu về quy chế tốt hơn như một công cụ điều trị, nhưng chúng ta hãy đừng kỳ vọng quá nhiều vào nó.

Tôi thấy cuộc tranh luận thiếu khách quan. Những người lập luận (một cách chính đáng) bảo vệ sự cứu trợ chỉ nói về sự cần thiết và sự hữu ích của chúng, chẳng nói gì về các tác động có hại mà tôi đã mô tả trong bài báo này. Người bác sỹ mà tôi đưa ra như một tấm gương có nghĩa vụ để thực hiện khi khuyên điều trị steroid cho một bệnh nhân viêm nhiễm cấp: phải chỉ ra nhiều nguy hiểm của việc điều trị mà các tác dụng phụ trầm trọng thêm khi

điều trị kéo dài. Thế nhưng bác sỹ vẫn có thể nói ông ta khuyên dùng trong trường hợp này. Các nhà kinh tế học chúng ta cũng phải đòi hỏi điều đó với chính mình.

Tôi thấy thiên kiến tương tự ở nên kia của cuộc tranh luận. Những mối lo ngại được nói đúng hay thường được cường điệu. Thế nhưng chẳng nói gì về các tác động ngoại sinh tai họa tiềm năng nếu không thể ngăn được sự sụp đổ của định chế hay công ty tài chính nào đó.

Cuộc tranh luận được sự chia rẽ chính trị và ý thức hệ dẫn dắt. Tả hay hữu, bảo thủ hay tự do, Cộng hòa hay Dân chủ - đối với nhiều người các lập trường cơ sở này quyết định từ trước họ lưu ý đến các lý lẽ phản đối nào và họ làm ngơ đối với các lý lẽ nào.

Tôi không đủ thạo về chi tiết của các sơ đồ giải cứu ngày càng thường xuyên, nhưng tôi cảm thấy rằng chúng đều có chung một thiếu sót. Chúng không áp dụng đủ nguyên tắc: những người chịu trách nhiệm về việc gây ra rắc rối tài chính cho công ty hay định chế phải trả một cái giá cá nhân nặng nề. Nếu ràng buộc ngân sách không còn thực sự cứng – nếu nguyên tắc “người thắng được, kẻ thua mất” không còn được áp dụng một cách tự phát – chỉ ít chúng ta phải thử mô phỏng tác động của nó ở mức độ nào đấy. Các thủ phạm gây ra rắc rối cho ngân hàng hay công ty không được tiếp tục lĩnh các khoản tiền hào phóng hay nhận được cái bắt tay chắc nịch nếu họ bỏ đi và kiếm các công việc bộn tiền ở nơi khác, mà không bị tổn hại nặng nề về uy tín. Trong một số trường hợp các bước theo hướng đó đã được tiến hành ở Hoa Kỳ và Pháp, nhưng đó chỉ có thể coi là các ngoại lệ lẻ tẻ. Các tình tiết giật gân đó đúng hơn là để ngăn sự ngạo mạn chướng tai gai mắt để trả các khoản thưởng khổng lồ. Tuy nhiên, đã chưa có khuyến nghị nào được đưa ra để buộc những người có trách nhiệm trong rắc rối phải chia sẻ về mặt cá nhân các tổn thất của ngân hàng hay công ty theo cùng cách như họ được chia lợi nhuận trong giai đoạn thuận lợi.

Một trong những vấn đề lớn với chủ nghĩa xã hội đã là, sự nghiệp của các thành viên của nhóm ưu tú kinh tế, bất luận họ lên hay xuống, không phụ thuộc vào thành tích kinh tế của họ, mà phụ thuộc vào các mối quan hệ và sự quy lụy chính trị của họ. Chúng ta không được cam chịu để nhìn khía cạnh khét tiếng này của chủ nghĩa xã hội lan tràn thêm nữa trong nền kinh tế thị trường. Thủ tục pháp lý, luật pháp và những can thiệp cá nhân bởi các quan chức và định chế điều tiết nhà nước phải đảm bảo một mối liên hệ chặt hơn giữa thành tích kinh tế tốt hay xấu và thành công hay thất bại trong sự nghiệp của những người quản lý. Các chuẩn mực nghiêm ngặt hơn nhiều về ứng xử phải được áp đặt lên những người tham gia kinh doanh, các tổ chức chuyên nghiệp và các cộng đồng, và lên báo chí tạo dư luận. Điều đó sẽ

không tiết trừ sự mềm hóa ràng buộc ngân sách, nhưng các tác động phụ của nó sẽ ít tổn hại hơn.

Nguyên bản:

http://www.colbud.hu/fellows/kornai_publ/Kornai_the_sbc_syndrome_and_the_global_financial_crisis.pdf



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LIÊN HỆ

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (CEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 704, Nhà E4,
144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3 754 7506 - Máy lẻ: 704

Fax: (84-4) 3 754 9921

Email: info@cepr.org.vn

Website: www.cepr.org.vn

© 2009 Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội